

Số: 4492/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 09 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

*Xét Văn bản số 20221108/EWISDOM ngày 08/11/2022 của Công ty TNHH công nghiệp chính xác Ewisdom Hải Phòng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo Văn bản số 20221129/CV-EWISDOM của Công ty TNHH công nghiệp chính xác Ewisdom Hải Phòng về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án sản xuất linh kiện cho thiết bị văn phòng” tại các nhà xưởng B1-1, B1-2, B1-3, thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng, thuộc lô đất IN3-11*A, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH công nghiệp chính xác Ewisdom Hải Phòng, địa chỉ tại các nhà xưởng B1-1 & B1-2 & B1-3, lô đất IN3-11*A, KCN VSIP Hải Phòng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt



động bảo vệ môi trường của “*Dự án sản xuất linh kiện cho thiết bị văn phòng*” tại các nhà xưởng B1-1, B1-2, B1-3, thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng, thuộc lô đất IN3-11*A, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án sản xuất linh kiện cho thiết bị văn phòng.

1.2. Địa điểm hoạt động: các nhà xưởng B1-1, B1-2, B1-3, thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng, thuộc lô đất IN3-11*A, Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH công nghiệp chính xác Ewisdom Hải Phòng, mã số doanh nghiệp 0202176662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 13/10/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 1052180288 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06/10/2022.

1.4. Mã số thuế: 0202176662.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất khuôn mẫu chính xác, sản xuất, gia công và lắp ráp linh kiện kim loại chính xác cho thiết bị văn phòng; gia công cải tạo khuôn kim loại; sửa chữa, bảo dưỡng khuôn kim loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 6.712,8 m².

- Quy mô, công suất:

+ Linh kiện kim loại: 135.000.000 chiếc/năm, tương đương 18.500 tấn/năm;

+ Khuôn mẫu: 500 bộ/năm, tương đương 40 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo

Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH công nghiệp chính xác Ewisdom Hải Phòng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH công nghiệp chính xác Ewisdom Hải Phòng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 đến ngày 09 tháng 12 năm 2032).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND: xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên;
- C.ty TNHH công nghiệp chính xác Ewisdom HP;
- C.ty TNHH VSIP Hải Phòng;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXS, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4492/GPMT-BQL ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt của dự án sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng, công suất 120 m³/ngày.đêm trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, không xả ra môi trường).

- Công ty đã ký Hợp đồng thuê công trình số BWHP/PLC/22008 giữa Công ty TNHH Một thành viên phát triển công nghiệp BW Hải Phòng và Công ty TNHH công nghiệp chính xác Ewisdom Hải Phòng ngày 25/10/2022 và Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng đã được sự chấp thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng ngày 24/02/2020, hiệu lực đầu nối từ 25/3/2020.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, thu gom vào hố ga thoát nước và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung hiện hữu của Công ty TNHH Một thành viên phát triển công nghiệp BW Hải Phòng để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi đầu nối với hệ thống dẫn nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải khu vệ sinh → bể tự hoại hiện hữu → hố ga, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Một thành viên phát triển công nghiệp BW Hải Phòng → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

- Công suất thiết kế: 03 bể tự hoại hiện hữu tại nhà xưởng do Công ty TNHH Một thành viên phát triển công nghiệp BW Hải Phòng xây dựng, tổng dung tích 18 m³ (dung tích 6 m³/bể).

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất

Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải nhiễm chất tẩy rửa, nhiễm dầu → chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ hút bùn thải tại bể tự hoại để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Chuyển giao nước thải nhiễm chất tẩy rửa, nhiễm dầu cho đơn vị có đầy đủ chức năng theo đúng quy định.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng (đơn vị cho thuê nhà xưởng) thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phát sinh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (nước thải của Dự án không xả thải ra ngoài môi trường mà được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH MTV Phát triển công nghiệp BW Hải Phòng, công suất 120m³/ngày.đêm, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng không yêu cầu tiêu chuẩn nước thải tiếp nhận).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

3.1. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH MTV Phát triển

công nghiệp BW Hải Phòng để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4492/GPMT-BQL ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải (hơi nóng) từ máy rửa linh kiện kim loại bằng nước ion và tinh khiết và máy rửa bằng dung dịch tẩy rửa;
- Nguồn số 02: bụi từ máy mài tay.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí của hệ thống hút hơi nóng từ quá trình rửa linh kiện kim loại bằng nước ion và nước tinh khiết và dung dịch tẩy rửa (nguồn số 01). Tọa độ: X (m) = 2312957,7; Y(m) = 601770;

- Dòng khí thải số 02: Ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi từ máy mài tay (nguồn số 02). Tọa độ: X (m) = 2312957,9; Y(m) = 601725,7.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 6.500 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 6.500 m³/giờ;

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp=1,0 và Kv=1,0); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

- Đối với dòng khí thải số 01:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Benzen	mg/Nm ³	5	Không thuộc đối tượng phải quan	Không thuộc đối tượng phải quan
2	Naphtalen	mg/Nm ³	150		

3	Etylen oxyt	mg/Nm ³	20	trắc bụi, khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
4	Etanolamin	mg/Nm ³	45		

- Đối với dòng khí thải số 02:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép $C_{max} = C_x K_p \times K_v$ ($K_p=1$ và $K_v=1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: khí thải (hơi nóng) từ máy rửa linh kiện kim loại bằng nước ion và tinh khiết và máy rửa bằng dung dịch tẩy rửa được thu gom qua cửa hút, đường ống nhánh, đường ống tổng, ống thoát khí ra ngoài môi trường;

- Nguồn số 02: bụi từ máy mài tay được thu gom qua cửa hút, đường ống gom nhánh, đường ống gom tổng về 01 hệ thống để xử lý;

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn số 01: Khí thải (hơi nóng) → Cửa hút → Đường ống dẫn nhánh → Đường ống dẫn tổng → Quạt hút → Ống thoát khí

+ Nguồn số 02: Bụi → Cửa hút → Đường ống dẫn nhánh → Đường ống dẫn tổng → Thiết bị lọc bụi Cyclon → Quạt hút → Ống thoát khí

- Công suất thiết kế:

+ Nguồn số 01: 6.500 m³/giờ (5,5 KW);

+ Nguồn số 02: 6.500 m³/giờ (5,5 KW);

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị xử lý chất thải.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống hút khí thải (hơi nóng) từ quá trình rửa linh kiện kim loại, công suất 6.500 m³/giờ và 01 hệ thống xử lý bụi từ máy mài tay, công suất 6.500 m³/giờ

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí trên 01 ống thoát khí của hệ thống hút khí thải (hơi nóng) từ máy rửa linh kiện kim loại bằng nước ion và tinh khiết và máy rửa bằng dung dịch tẩy rửa. Tọa độ: X (m) = 2312957,7; Y(m) = 601770;

- 01 vị trí trên 01 ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi từ máy mài tay. Tọa độ: X (m) = 2312957,9; Y(m) = 601725,7.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN 20:2009/BTNMT	QCVN 19:2009/BTNMT
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	-	200
2	Benzen	mg/Nm ³	5	-
3	Naphtalen	mg/Nm ³	150	-
4	Etylen oxyt	mg/Nm ³	20	-

5	Etanolamin	mg/Nm ³	45	-
---	------------	--------------------	----	---

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4492...../GPMT-BQL ngày 09... tháng 12 năm 2022
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực máy đột dập;
- Nguồn số 02: Khu vực máy rửa linh kiện;
- Nguồn số 03: Khu vực máy tạo ren;
- Nguồn số 04: Khu vực máy tán đinh.
- Nguồn số 05: Khu vực máy phay;
- Nguồn số 06: Khu vực máy khoan;
- Nguồn số 07: Khu vực máy mài;
- Nguồn số 08: Khu vực máy nén khí

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Toạ độ:
 - + Máy đột dập đơn: X(m): 2312973,3; Y(m): 601699,6;
 - + Máy đột dập liên hoàn: X(m): 2312985,3; Y(m): 601709,5;
- Nguồn số 02: Toạ độ:
 - + Máy rửa linh kiện bằng nước ion và nước tinh khiết: X(m): 2312973,9; Y(m): 601753,5;
 - + Máy rửa linh kiện bằng dung dịch tẩy rửa: X(m): 2312972,1; Y(m): 601776,1;
- Nguồn số 03: Toạ độ: X(m): 2312981,05; Y(m): 601768,57;
- Nguồn số 04: Toạ độ: X(m): 2312993,2; Y(m): 601732,8;
- Nguồn số 05: Toạ độ: X(m): 2312993,2; Y(m): 601732,8;
- Nguồn số 06: Toạ độ: X(m): 2312988,9; Y(m): 601733,05;
- Nguồn số 07: Toạ độ: X(m): 2312964,1; Y(m): 601725,5;
- Nguồn số 08: Toạ độ: X(m): 2312966; Y(m): 601730,3;

(Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰45' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNM: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4492/GPMT-BQL ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	7216,4	18 02 01
2	Bao bì kim loại cứng thải (đã chứa chất khí thải ra là CTNH)	Rắn	0,092	18 01 02
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1319,43	17 02 03
4	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	338,9	17 05 05
5	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/Bùn	8.509,01	07 03 11
6	Các loại pin, ắc quy	Rắn	220,468	19 06 05
7	Tổng		17.604,3	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm (bavia kim loại, bìa, nilon, dây đồng, palet gỗ, rác thải công nghiệp): 7583,71 tấn/năm;

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 67,08 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại bên trong xưởng sản xuất, diện tích 12,6 m²;

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền chống thấm, chống tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa: 01 kho lưu giữ chất thải công nghiệp nằm bên trong xưởng sản xuất, diện tích 31,32 m²;

- Thiết kế, cấu tạo: vách ngăn panel cách nhiệt, nền bê tông, bố trí đầy đủ biển báo và thiết bị phòng cháy chữa cháy

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa rác có nắp đậy tại các vị trí phát sinh.

- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực xưởng sản xuất, khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn,...

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4492../GPMT-BQL ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường.

NGT PH/2